TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/DS-PT
Ngày 02 - 02 – 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2017/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1937

Bà Huỳnh Mỹ T, sinh năm 1965 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ông Huỳnh Hoàng N, sinh năm 1972.

Bà Huỳnh Thu K, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Hẻm A, Tỉnh lộ B, khóm C, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Huỳnh Hoàng T, sinh năm 1974, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường B, phường L, quận B, Thành phố Cần Thơ.

Ông Huỳnh Hoàng Y, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Huỳnh Bích P, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm I, phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1983, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm K, phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ.

Bà Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Huỳnh Lan P, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường V, khóm T, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, ông Huỳnh Hoàng N, ông Huỳnh Hoàng Y: Ông Nguyễn Thiện Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ thường trú: Đường P, phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ tạm trú: Đường B, phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 11 năm 2017), (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trang Văn Q, sinh năm 1940,

Địa chỉ: Đường T, khóm C, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: NLQ6, sinh năm 1985. Địa chỉ: Đường T, khóm C, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 11 năm 2015 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

NLQ1. Địa chỉ: Đường T, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của NLQ1: Ông Lưu Hoàng L – Chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NLQ2, sinh năm 1951

NLQ3, sinh năm 1979

NLQ4, sinh năm 1982

NLQ5, sinh năm 1984

NLQ6, sinh năm 1985

NLQ7, sinh năm 1988

NLQ8, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Đường T, khóm C, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ7, NLQ8: NLQ6, sinh năm 1985; địa chỉ: Đường T, khóm C, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 4 năm 2016 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, ông Huỳnh Hoàng N, ông Huỳnh Hoàng Y và các đồng nguyên đơn bà Huỳnh Mỹ T, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P và bà Huỳnh Ngọc L (gọi tắt là đồng nguyên đơn) trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của ông

Huỳnh Kim L và bà Nguyễn Thị K (là cha mẹ ruột của ông Huỳnh Hữu K) nhận chuyển nhượng của ông Tạ K diện tích đất ngang khoảng hơn 14m x dài khoảng hơn 20m tọa lạc tại khóm C, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu vào năm 1960. Khi nhận chuyển nhượng có làm giấy tay mua bán và có mời 03 hộ giáp ranh đến chứng kiến: gồm bà Sáu Y (giáp ranh bên phải), ông Trệt G và bà Hai H (là mẹ ruột ông Trang Văn Q). Tuy nhiên, giấy tay mua bán hiện nay đã bị thất lạc và những người chứng kiến đều đã chết. Sau khi chuyển nhượng đất xong ông L cất nhà ở bằng cây lá địa phương, nhà có diện tích ngang khoảng 06m, dài khoảng 10m. Khi cất nhà này thì phần đất phía sau (giáp ranh đất ông Q) có chừa một phần đất dài 01m từ mí nhà, ngang chạy dài hết chiều ngang của đất, do quy định của chế độ cũ phải chừa phần đất này để làm phần đất thông hành địa dịch (tức là chừa lối đi phòng khi có thiên tai, hỏa hoạn…). Đến năm 1970 ông L xây dựng lại căn nhà trên nền nhà cũ ngang 06m, dài 14m và vẫn chừa phần đất phía sau dài 01m như trên. Hiện nay nhà này vẫn còn giữ nguyên hiện trạng. Vào năm 1995 ông Huỳnh Hữu K, là con ông L có xây dựng thêm phần chái hiên nhà (ở hướng nam) có diện tích ngang 6,1m x dài 4,85m, từ năm 1995 đến nay không sửa chữa gì thêm. Đến năm 1999, Nhà nước có chủ trương đo đạc đất đai của các hộ dân ở phường 5 để lập bản đồ chính quy do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu trực tiếp đo đạc thì phần đất của gia đình ông K có chiều ngang là 14,58m và chiều dài là 20,17m, diện tích 292,4m². Ranh giới giữa phần đất gia đình ông K và gia đình ông Q đã được xác định là cách tường nhà sau của gia đình ông K chiều ngang 01m, chiều dài là 14,58m và được thể hiện rõ trên bản đồ địa chính. Khi đo đạc có sự chứng kiến và ký tên của những hộ giáp ranh là bà Trần Hoài Y, Trần Thị H và Trang Thị H là mẹ ruột ông Q. Việc này được thể hiện tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất, biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và sổ mục kê đất năm 1999 mà phía nguyên đơn đã nộp cho Tòa. Đến năm 2003, con trai ông K là ông Huỳnh Hoàng Y không được sự đồng ý của ông K và gia đình đã tự ý làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K, cơ quan địa chính phường 5, thị xã B xuống đo đạc lại hiện trạng đất của ông K có diện tích là 222,63m² và không còn thể hiện 01m đất phía sau nhà ông K. Khi đo đạc không có ông K ở nhà nên ông Huỳnh Hoàng Y đã ký thay ông K ở phần chủ hộ và các chủ hộ giáp ranh cũng ký tên xác nhận gồm Trần Văn M, Ngô Thị C, Lê Văn P và ông Trang Văn Q (trong biên bản ghi tên là Trang Văn Q1). Sau khi làm thủ tục xong đến ngày 02 tháng 02 năm 2005 hộ ông K đã được Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 844934 với diện tích 222,6m² thuộc thửa số 1179, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại khóm C, phường 5, thành phố B. Tuy nhiên, chỉ có ông Y biết việc cấp giấy, vợ chồng ông K và những người con khác trong gia đình không ai biết. Sau đó, đến năm 2007 ông Y đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đi thế chấp để vay vốn Ngân hàng Thương mại C - Chi nhánh Bạc Liêu, việc này ông K và gia đình cũng không biết, đến năm 2008 ông Y trả tiền Ngân hàng và lấy sổ về thì ông K và gia đình mới biết đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng không biết khoảng đất trống phía sau nhà không được cấp giấy nên không có khiếu nại gì. Khi hộ ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 thì phía sau nhà ông K vẫn còn khoảng đất trống 01m nhưng không được thể hiện trong giấy chứng nhận của hộ

ông K. Đến năm 2012, ông Q xây dựng các công trình phụ là nền xi măng, cây nước và chuồng gà trên phần đất trống phía sau nhà ông K, lúc này gia đình ông K và gia đình ông Q đã tự thỏa thuận nhiều lần nhưng không thành nên ông K đã khiếu nại đến NLQ1 và được hướng dẫn do đất hai bên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Sau đó, đến năm 2013 gia đình ông K đã yêu cầu Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố B giải quyết và sự việc tranh chấp kéo dài đến nay. Hộ ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004, khi làm thủ tục thì ông K cũng ký tên hộ giáp ranh nhưng ông không chứng kiến đo đạc. Đến năm 2014 khi hai bên đang tranh chấp quyền sử dụng đất thì ông Q làm thủ tục tặng cho con gái là NLQ3 một phần quyền sử dụng đất trong diện tích đất hộ ông Q được cấp năm 2004, đã tách sổ cho NLQ3 diện tích 96,5m² thuộc thửa đất 291, tờ bản đồ 32; phần còn lại cấp cho ông Q và NLQ2 diện tích 105,9m² thuộc thửa đất 290 tờ bản đồ 32, trong các diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng trên thì có cả phần đất gia đình ông K chừa 01m ở phía sau nhà. Qua đo đạc thực tế thì diện tích đất ông Q và NLQ2 lấn chiếm có diện tích 5,4m², diện tích đất NLQ3 lấn chiếm có diện tích 8,9m².

Nay đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Trang Văn Q và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 có trách nhiệm tự tháo dỡ các công trình phụ trên đất (nền xi măng, cây nước) để trả lại cho đồng nguyên đơn diện tích đất qua đo đạc thực tế là 5,4m^2 thuộc thửa đất số 290, tờ bản đồ số 32 được cấp quyền sử dụng cho ông Q, NLQ2 (gồm 04 điểm theo mảnh trích đo là: 18 đến 19 = 0,68m, 19 đến 24 = 5,47m, 24 đến 25 = 0,75m, 25 đến 18 = 5,47m), phần còn lại thì có một phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ai gồm 04 điểm: 19 đến 20 = 0,21m, 20 đến 23 = 5,47m, 23 đến 24 = 0,10m, 24 đến 19 = 5,47m và một phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Hữu K thuộc thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 01, gồm 04 điểm: 20 đến 21 = 0,11m, 21 đến 22 = 5,47m, 22 đến 23 = 0,15m, 23 đến 20 = 5,47m. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ3 và NLQ8 cùng có trách nhiệm tháo dỡ công trình trên đất (nền gạch tàu, mái che chuồng gà) để trả lại cho đồng nguyên đơn diện tích đất qua đo đạc thực tế là 8,9m^2, thuộc thửa đất số 291, tờ bản đồ số 32 được cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Hương (gồm 04 điểm theo mảnh trích đo là: 24 đến 25 = 0,75m, 25 đến 08 = 8,99m, 08 đến 07 = 0,77m, 07 đến 24 = 8,90m); phần còn lại thì có một phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ai gồm 03 điểm: 23 đến 24 = 0,10m, 24 đến 07 = 8,90m, 07 đến 23 = 8,91m và một phần đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Hữu K thuộc thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 01, gồm 04 điểm: 22 đến 23 = 0,15m, 23 đến 07 = 8,91m, 07 đến 06 = 0,23m, 06 đến 22 = 8,88m. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 701274 cấp cho NLQ3 ngày 10 tháng 6 năm 2014 với diện tích đất 96,5m², thuộc thửa 291, tờ bản đồ 32 và số BT 701275 cấp cho ông Q và NLQ2 ngày 10 tháng 6 năm 2014 với diện tích đất 105,9m² thuộc thửa 290, tờ bản đồ 32. Các diện tích đất trên tọa lạc tại khóm 5, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Do đất này được cấp trong giai đoạn tranh chấp. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 844934 số vào sổ cấp GCN: H00198 do Ủy ban nhân dân

thị xã B cấp ngày 02 tháng 02 năm 2005 cho hộ ông K với diện tích 222,6m^2 thuộc thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 01. Vì toàn bộ hồ sơ cấp giấy do ông Y tự lập hồ sơ và ký thay ông K, trong khi ông K và các thành viên còn lại trong hộ không biết và không đồng ý. Do ông Y không biết thực tế đất gia đình sử dụng nên khi đăng ký kê khai đã không đăng ký hết diện tích dẫn đến giấy chứng nhận cấp thiếu diện tích so với diện tích thực tế gia đình ông K quản lý sử dụng, gây ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của gia đình.

NLQ6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trang Văn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ7, NLQ8 trình bày: Gia đình ông Trang Văn Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ048351, do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp cho hộ ông Trang Văn Q ngày 11 tháng 3 năm 2004 diện tích 202.5m² thuộc thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khóm C, phường 5, thị xã B (nay là thành phố B). Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Huỳnh Hữu K cũng ký tên hộ giáp ranh. Đến ngày 02 tháng 02 năm 2005 gia đình ông K mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tức là sau gia đình ông Q khoảng 01 năm. Đầu năm 2013, ông K bắt đầu tranh chấp đất với gia đình ông Q, trong các buổi hòa giải hai bên đã hòa giải không thành và phía gia đình ông K có yêu cầu Ủy ban nhân dân phường 5 chuyển hồ sơ lên NLQ1 giải quyết nhưng Hội đồng tư vấn khiếu nại thành phố B giao Ủy ban phường 5 mời hai bên lên hòa giải, nếu hòa giải không thành thì chuyển Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết theo quy định pháp luật. Tại biên bản xác minh hiện trạng đất tranh chấp ngày 6 tháng 9 năm 2013 do Ủy ban nhân dân phường 5 tiến hành đo đạc thì xác định hiện trạng đất gia đình ông K sử dụng là dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Vào năm 2004, khi gia đình ông Q xây dựng các công trình phụ như nền xi măng, chuồng gà thì không có xin phép chính quyền địa phương do đây là hạng mục sửa chữa không cần xin phép. Việc xây dựng này gia đình ông K có ngăn cản, nhưng do hộ ông Q chỉ xây dựng trên diện tích đất được cấp nên không đồng ý việc ngăn cản của gia đình ông K. Qua kết quả đo đạc thực tế trong diện tích đất tranh chấp 5,4m^2 thì có một phần nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q và NLQ2 (gồm 04 điểm như phía nguyên đơn trình bày như trên) thì phía bị đơn không đồng ý trả, phần đất còn lại không nằm trong giấy thì đồng ý trả. Đối với phần đất tranh chấp 8,9m^2 có một phần nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của NLQ3 (gồm 04 điểm như phía nguyên đơn trình bày như trên) thì phía NLQ3 không đồng ý trả, phần đất còn lại không nằm trong giấy thì đồng ý trả. Trong trường hợp trả đất này thì bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có bất cứ yêu cầu gì về tài sản gắn liền với đất và tự ý di dời tài sản để trả đất. Trường hợp Tòa án có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi đất của phía nguyên đơn (chấp nhận toàn bộ là 5,4m^2 và 8,9m^2) thì bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu phía nguyên đơn phải bồi thường toàn bộ các tài sản gắn liền với đất theo biên bản xem xét, thẩm định và biên bản định giá cùng ngày 11 tháng 3 năm 2016. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 701274 cấp cho NLQ3

ngày 10 tháng 6 năm 2014 với diện tích đất 96,5m², thuộc thửa 291, tờ bản đồ 32 và số BT 701275 cấp cho ông Q, NLQ2 ngày 10 tháng 6 năm 2014 với diện tích đất 105,9m² thuộc thửa 290, tờ bản đồ 32, các diện tích đất trên tọa lạc tại khóm C, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu thì NLQ6 không đồng ý vì thủ tục cấp đất cho hộ ông Q năm 2004 là hợp pháp và việc tách thửa cho NLQ3 là đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu hủy quyết định cấp giấy và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 844934 số vào sổ cấp GCN: H00198 do Ủy ban nhân dân thị xã B cấp ngày 02 tháng 02 năm 2005 cho hộ ông K với diện tích 222,6m^2 thuộc thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 01 thì NLQ6 xác định khi hộ ông K làm thủ tục cấp giấy thì ông Q có ký giáp ranh. Phía cơ quan chức năng cũng có ý kiến về trình tự thủ tục cấp giấy là đúng theo quy định pháp luật và từ năm 2007 gia đình ông K cũng biết việc cấp giấy này nhưng không khiếu nại gì. Do đó, NLQ6 không đồng ý việc hủy quyết định cấp giấy và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện của NLQ1 trình bày: Khoảng tháng 12 năm 2013 NLQ1 có nhận được đơn khiếu nại của ông Huỳnh Hữu K về việc cấp giấy chứng nhận quyền của dụng đất cho hộ ông Trang Văn Q và Ủy ban có ban hành công văn chỉ đạo thanh tra Nhà nước thành phố B giải quyết khiếu nại. Tại kết luận của thanh tra xác định trình tự thủ tục cấp đất cho hộ ông Q là đúng quy định pháp luật và phần đất giáp ranh phía sau giữa hai hộ ông K và ông Q là không có khoảng hở đường thoát hiểm. Khi làm thủ tục cấp giấy cho hộ ông K Ủy ban có tiến hành việc đo vẽ hiện trạng và căn cứ vào bản đồ địa chính được lập 2002, phần đất của hộ ông K qua đo vẽ hiện trạng phù hợp với bản đồ địa chính được lập 2002 nên Ủy ban đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K với diện tích 222,6m², thuộc thửa đất 1179, tờ bản đồ 01 là chính xác. Từ khi được cấp giấy đến nay thì hộ ông K không có bất cứ khiếu nại gì về diện tích đất mình được cấp. Việc cấp đất cho hộ ông Q, hộ ông K và việc tách giấy chứng nhận quyền sửa dụng đất của hộ ông Q cho NLQ3 là đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Do đó, NLQ1 không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 701274 cấp cho NLQ3 ngày 10 tháng 6 năm 2014 với diện tích đất 96,5m², thuộc thửa 291, tờ bản đồ 32 và số BT 701275 cấp cho ông Q, NLQ2 ngày 10 tháng 6 năm 2014 với diện tích đất 105,9m² thuộc thửa 290, tờ bản đồ 32 và không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 844934 với diện tích 222,6m² thuộc thửa số 1179, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại khóm C, phường 5, thành phố B cấp cho hộ ông K ngày 02 tháng 02 năm 2005. Trong trường hợp quyết định của Tòa án dẫn tới có sự thay đổi diện tích đất sử dụng của các bên, cũng như thay đổi đối tượng sử dụng đất thì Ủy ban sẽ căn cứ vào quyết định của Tòa án để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên cho phù hợp.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 165; Điều 184; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Điều 48 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn,

1.1. Buộc ông Trang Văn Q, NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời tài sản là nền xi măng, nhà tắm, cây nước (theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 11 tháng 3 năm 2016) để trả cho bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P và bà Huỳnh Ngọc L diện tích đất 1,5m², có vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu K (thửa số 1179, tờ bản đồ 01) cạnh dài từ điểm 21 đến 22 là 5,47m.

- Hướng Tây giáp phần đất cấp cho ông Trang Văn Q và NLQ2 (thửa số 290, tờ bản đồ 32) cạnh dài từ điểm 19 đến 24 là 5,47m.

- Hướng Nam giáp đất trống và đất cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu K (thửa số 1179, tờ bản đồ 01) cạnh dài từ điểm 22 đến 23 đến 24 là 0,15m + 0,10m.

- Hướng Bắc giáp đất của bà Nguyễn Thị L có cạnh dài từ điểm 19 đến 20 đến 21 là 0,21m + 0,11m.

Phần đất trên có diện tích 0,8m² thuộc thửa số 1179, tờ bản đồ 01, do hộ ông Huỳnh Hữu K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 844934 do UBND thị xã B (nay là thành phố B) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2005 và có diện tích đất 0,7m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Đất thuộc phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.2. Buộc NLQ3 và NLQ8 có trách nhiệm tự tháo dỡ, di dời tài sản là nền gạch tàu, mái che chuồng gà (theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 11 tháng 3 năm 2016) để trả cho bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P và bà Huỳnh Ngọc L diện tích đất 2,1m², có vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu K (thửa số 1179, tờ bản đồ 01) cạnh dài từ điểm 22 đến 6 là 8,88m.

- Hướng Tây giáp phần đất cấp cho NLQ3 (thửa số 291, tờ bản đồ 32) cạnh dài từ điểm 24 đến 7 là 8,90m.

- Hướng Nam giáp đất của bà Ngô Thị C có cạnh dài từ điểm 6 đến 7 là 0,23m.

- Hướng Bắc giáp đất trống và đất cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu K (thửa số 1179, tờ bản đồ 01) cạnh dài từ điểm 22 đến 23 đến 24 là 0,15m + 0,10m.

Phần đất trên có diện tích 1,7m² thuộc thửa số 1179, tờ bản đồ 01, do hộ ông Huỳnh Hữu K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 844934 do UBND thị xã B (nay là thành phố B) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2005 và có diện

tích đất 0,4m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Đất thuộc phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B , bà Huỳnh Lan P và bà Huỳnh Ngọc L có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai lại đúng diện tích đất được quyền sử dụng theo trình tự pháp luật quy định.

3. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P và bà Huỳnh Ngọc L về việc yêu cầu ông Trang Văn Q, NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 trả diện tích đất lên đến 5,4m² và yêu cầu NLQ3 và NLQ8 trả diện tích đất lên đến 8,9m².

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P và bà Huỳnh Ngọc L về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 701274 cấp cho NLQ3 ngày 10 tháng 6 năm 2014 với diện tích đất 96,5m², thuộc thửa 291, tờ bản đồ 32; số BT 701275 cấp cho ông Trang Văn Q và NLQ2 ngày 10 tháng 6 năm 2014 với diện tích đất 105,9m² thuộc thửa 290, tờ bản đồ 32; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 844934 số vào sổ cấp GCN: H00198 do UBND thị xã B (nay là thành phố B) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2005 cho hộ ông Huỳnh Hữu K với diện tích 222,6m² thuộc thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 01. Các diện tích đất trên tọa lạc tại khóm C, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về án phí, Luật Thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 10 năm 2017, đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P, bà Huỳnh Ngọc L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với cùng nội dung bản án sơ thẩm không phù hợp và làm ảnh hưởng đến quyền chính đáng và lợi ích hợp pháp của các đồng nguyên đơn.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Đề nghị sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, ông Huỳnh Hoàng N, ông Huỳnh Hoàng Y vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Các đương sự đều thống nhất gia đình ông Trang Văn Q sử dụng đất trước gia đình ông Huỳnh Hữu K, vì đồng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thiện Đ xác định năm 1960 khi cha ông K là ông Huỳnh Kim L nhận chuyển nhượng đất thì có bà Trang Thị H là mẹ ông Q ký tên giáp ranh, còn NLQ6 xác định đất gia đình bà khai phá năm 1945. Điều này phù hợp với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Q năm 2004 và của hộ ông K năm 2005, cơ quan chuyên môn xác minh nguồn gốc đất ông Q sử dụng do gia đình ông khai phá năm 1945, còn nguồn gốc đất ông K sử dụng do khai phá năm 1960. Tuy nhiên, các bên đương sự đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh số đo, diện tích đất gia đình mình sử dụng ban đầu là bao nhiêu. Theo tờ bản đồ năm 1994 (tại bút lục 112, có đóng mộc treo của Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố B) thể hiện phần đất của ông K có diện tích là 275m², đất của ông Q có diện tích 225m² không thể hiện phía sau nhà ông K có khoảng đất trống 01m. Tại tờ bản đồ địa chính số 32 năm 1999 thể hiện phần đất ông K có diện tích 292,4m², đất ông Q là 243,8m² nhưng cũng không thể hiện cụ thể số đo phần đất phía sau nhà ông K là bao nhiêu. Căn cứ vào "*Mặt bằng vị trí*" đất của ông Q theo bản vẽ hiện trạng ngày 23 tháng 01 năm 1999 (bút lục 64) thể hiện chiều dài đất ông Q ở hướng bắc là 20,62m, hướng nam là 2,02m + 14,4m + 3,2m = 19,63m, đường Lò Heo trước đất ông Q có hiện trạng 4,75m, phần lộ giới từ mí đường đến đất ông Q là 4,13m, phần đất trống phía sau nhà ông Q là 3,2m, việc đo vẽ có ông K ký hộ giáp ranh. Đến ngày 05 tháng 12 tháng 2002, tại mặt bằng hiện trạng khu đất xin cấp giấy của ông Q (bút lục 128) thì phần đất ông Q đang sử dụng xin cấp giấy không có sự biến động so với đo vẽ ngày 23 tháng 01 năm 1999, lúc này phần đất trống phía sau nhà ông Q vẫn là 3,2m. Đến năm 2004 ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất được cấp cũng không có sự biến đổi so với kết quả đo vẽ năm 1999 và năm 2002 và phần đất phía sau nhà ông Q vẫn là 3,2m. Đến tháng 8 năm 1999 phần đất ông K mới được đo vẽ để xác định ranh đất (bút lục 307), tức là đo vẽ sau đất ông Q khoảng 07 tháng. Tại mặt bằng hiện trạng đo vẽ đất của ông K ngày 04 tháng 11 năm 2003 (bút lục 06) thể hiện đất ông K có

diện tích 222,63m², lúc này chiều dài đất ông K ở hướng nam là 16,15, hướng bắc là 16m, hiện trạng hẻm 2 trước đất ông K là 4,30m, lộ giới quy hoạch là 5,5m. Đến khi ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005 thì cấp đúng theo hiện trạng đo vẽ ngày 04 tháng 11 năm 2003.

[3] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Q, NLQ2 và NLQ3 thể hiện hẻm 1 (nằm trước đất cấp cho ông Q) rộng 4,75m, chỉ giới quy hoạch tính từ tim hẻm là 6,5m nhưng qua đo đạc thực tế ngày 20 tháng 7 năm 2016 thể hiện hẻm 1 có hiện trạng lên đến 6,68m, tức rộng hơn 1,93m, trong khi lộ giới quy hoạch vẫn không đổi là 6,5m thì đất ông Q, NLQ2 và NLQ3 được cấp phải lùi về phía sau 01m lấn qua phần đất 01m phía sau nhà của gia đình ông K. Tuy nhiên, qua xem xét bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp ngày 20 tháng 7 năm 2016 thể hiện hẻm 1 trước đất gia đình ông Q có hiện trạng 6,68m, lộ giới quy hoạch 6,5m nhưng phần đất từ mí hẻm đến đất gia đình ông Q cũng bị thu hẹp từ 4,124m chỉ còn 3,16m, tức là bị thu hẹp 0,964m. Do đó, có căn cứ xác định việc mở rộng hẻm 1 làm cho phần đất lộ giới từ mí hẻm đến đất gia đình ông Q bị thu hẹp lại chứ không có căn cứ xác định làm cho phần đất gia đình ông Q được cấp lùi về phía sau như người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Như vậy, có căn cứ xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Q năm 2004 và hộ ông K năm 2005 là đúng theo trình tự thủ tục và đúng theo hiện trạng sử dụng. Mặt khác, phía nguyên đơn xác định việc cấp đất cho hộ ông K năm 2005 nhưng ông K không chỉ ranh hiện trạng, không ký tên xác nhận chủ hộ khi đo vẽ mà các việc này đều do ông Huỳnh Hoàng Y, là con ông K thực hiện. Xét thấy, cho dù có việc ông Y chỉ ranh và ký tên thay ông K thì ông Y cũng là thành viên trong hộ gia đình ông K, ông Y chỉ ranh trong phạm vi đất gia đình ông K và không chứng minh được việc đất của gia đình ông K lại đem cấp cho gia đình ông Q. Do đó, không có căn cứ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Q năm 2004 và hộ ông K năm 2005.

[5] Qua kết quả đo đạc thực tế đất tranh chấp ngày 20 tháng 7 năm 2016 thể hiện phần đất đồng nguyên đơn, ông Q, NLQ2 và NLQ3 đang sử dụng thực tế đều lớn hơn so với diện tích đất được cấp tại giấy chứng nhận quyền sử dụng, cụ thể: đất đồng nguyên đơn đang sử dụng có diện tích 226,3m²; ông Q, NLQ2 đang sử dụng 108,8m²; đất NLQ3 đang sử dụng 104,3m². Tuy nhiên, phần đất vợ chồng ông Q đang sử dụng thì có diện tích đất tranh chấp là 5,4m², trong đó phần đất vợ chồng ông Q được cấp là 3,9m², đất hộ ông K được cấp là 0,7m² và đất trống chưa được cấp cho ai là 0,8m²; tổng diện tích đất cấp cho hộ ông K và chưa cấp cho ai là 1,5m²; phần đất NLQ3 đang sử dụng thì có phần đất tranh chấp là 8,9m², trong đó: đất cấp cho NLQ3 là 6,8m², đất cấp cho hộ ông K là 1,7m², đất trống chưa cấp cho ai là 0,4m², tổng diện tích đất cấp cho hộ ông K và chưa cấp cho ai là 2,1m².

[6] Phần đất đã cấp cho hộ ông K nhưng có một phần do gia đình ông Q sử dụng và như đã phân tích ở trên thì việc cấp đất cho các bên là đúng hiện trạng và đúng pháp luật, đồng thời NLQ6 cũng có ý kiến đồng ý tự di dời tài sản để trả cho đồng nguyên đơn phần đất đã cấp cho hộ ông K mà gia đình ông Q đang sử dụng

và trả cả phần đất trống chưa được cấp cho ai. Do đó, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn, buộc ông Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 có trách nhiệm tháo dỡ các công trình phụ trên đất (nền xi măng, cây nước, nhà tắm) để trả đồng nguyên đơn diện tích đất 1,5m²; buộc NLQ3 và NLQ8 có trách nhiệm tự tháo dỡ các công trình phụ trên đất (nền gạch tàu, mái che chuồng gà) để trả đồng nguyên đơn diện tích đất 2,1m² (theo mảnh trích đo địa chính số 03-2016 ngày 20 tháng 7 năm 2016) là phù hợp.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm NLQ6 tự nguyện tháo dở di dời đối với các công trình phụ trên đất để trả diện tích đất nêu trên cho các đồng nguyên đơn nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của NLQ6.

[8] Phần diện tích đất 202,5m² hộ ông Q được cấp năm 2004, đến ngày 10 tháng 6 năm 2014 được tách sổ cho NLQ3 với diện tích 96,5m², cho ông Q và NLQ2 với diện tích 105,9m², trong giai đoạn này thì hai bên đang xảy ra tranh chấp đất. Tuy nhiên, có căn cứ xác định việc cấp đất cho hộ ông Q năm 2004 là đúng hiện trạng, đúng pháp luật; việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn cũng không làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông Q và đất đã cấp cho NLQ3, NLQ6 cũng không đồng ý hủy giấy nên xét thấy không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q, NLQ2 và NLQ3 theo yêu cầu của đồng nguyên đơn.

[9] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đối với phần án phí có giá ngạch thấy rằng đây là tranh chấp ai được quyền sử dụng đất, các đương sự không ai yêu cầu và Tòa án cũng không xem xét giá trị; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì đương sự chỉ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, Tòa án cấp sơ thẩm buộc đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là chưa phù hợp. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần án phí.

[10] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn; có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần án phí.

[11] Xét thấy, tại mục 2 phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa rõ nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[12] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P, bà Huỳnh Ngọc L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 165, Điều 184, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 203 Luật Đất đai, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P, bà Huỳnh Ngọc L; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

1.1. Buộc ông Trang Văn Q, NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6 và NLQ7 tháo dỡ, di dời tài sản là nền xi măng, nhà tắm, cây nước (theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 11 tháng 3 năm 2016) để trả cho bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P, bà Huỳnh Ngọc L diện tích đất 1,5m², có vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu K (thửa số 1179, tờ bản đồ 01) cạnh dài từ điểm 21 đến 22 là 5,47m.

- Hướng Tây giáp phần đất cấp cho ông Trang Văn Q và NLQ2 (thửa số 290, tờ bản đồ 32) cạnh dài từ điểm 19 đến 24 là 5,47m.

- Hướng Nam giáp đất trống và đất cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu K (thửa số 1179, tờ bản đồ 01) cạnh dài từ điểm 22 đến 23 đến 24 là 0,15m + 0,10m.

- Hướng Bắc giáp đất của bà Nguyễn Thị L có cạnh dài từ điểm 19 đến 20 đến 21 là 0,21m + 0,11m.

Phần đất trên có diện tích 0,8m² thuộc thửa số 1179, tờ bản đồ 01, do hộ ông Huỳnh Hữu K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 844934 do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2005 và có diện tích đất 0,7m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Đất thuộc phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

1.2. Buộc NLQ3 và NLQ8 tháo dỡ, di dời tài sản là nền gạch tàu, mái che chuồng gà (theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 11 tháng 3 năm 2016) để trả cho bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P, bà Huỳnh Ngọc L diện tích đất 2,1m², có vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu K (thửa số 1179, tờ bản đồ 01) cạnh dài từ điểm 22 đến 6 là 8,88m.

- Hướng Tây giáp phần đất cấp cho NLQ3 (thửa số 291, tờ bản đồ 32) cạnh dài từ điểm 24 đến 7 là 8,90m.

- Hướng Nam giáp đất của bà Ngô Thị C có cạnh dài từ điểm 6 đến 7 là 0,23m.

- Hướng Bắc giáp đất trống và đất cấp cho hộ ông Huỳnh Hữu K (thửa số 1179, tờ bản đồ 01) cạnh dài từ điểm 22 đến 23 đến 24 là 0,15m + 0,10m.

Phần đất trên có diện tích 1,7m² thuộc thửa số 1179, tờ bản đồ 01, do hộ ông Huỳnh Hữu K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 844934 do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2005 và có diện tích đất 0,4m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Đất thuộc phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P, bà Huỳnh Ngọc L có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai lại đúng diện tích đất được quyền sử dụng theo trình tự pháp luật quy định.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P, bà Huỳnh Ngọc L về việc yêu cầu ông Trang Văn Q, NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 trả diện tích đất 3,9m² và yêu cầu NLQ3, NLQ8 trả diện tích đất 6,8m².

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P, bà Huỳnh Ngọc L về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 701274 cấp cho NLQ3 ngày 10 tháng 6 năm 2014 với diện tích đất 96,5m², thuộc thửa 291, tờ bản đồ 32; số BT 701275 cấp cho ông Trang Văn Q và NLQ2 ngày 10 tháng 6 năm 2014 với diện tích đất 105,9m² thuộc thửa 290, tờ bản đồ 32; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 844934 số vào sổ cấp GCN: H00198 do Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2005 cho hộ ông Huỳnh Hữu K với diện tích 222,6m^2 thuộc thửa đất số 1179, tờ bản đồ số 01. Các diện tích đất trên tọa lạc tại khóm C, phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 9.586.000 đồng, đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P, bà Huỳnh Ngọc L đã dự nộp đủ, ông Q và NLQ2 cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho các đồng nguyên đơn số tiền 3.195.000 đồng; NLQ3 có nghĩa vụ hoàn trả cho các đồng nguyên đơn số tiền 3.195.000 đồng.

5. Về án phí:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P, bà Huỳnh Ngọc L cùng phải nộp 200.000 đồng. Đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí 250.000 đồng theo biên lai số 0001583 ngày 20 tháng 11 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu 200.000 đồng, đồng nguyên đơn được nhận lại 50.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Ông Trang Văn Q và NLQ2 cùng phải nộp 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NLQ3 phải nộp 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L, bà Huỳnh Mỹ T, ông Huỳnh Hoàng N, bà Huỳnh Thu K, ông Huỳnh Hoàng T, ông Huỳnh Hoàng Y, bà Huỳnh Bích P, bà Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Lan P, bà Huỳnh Ngọc L phải chịu 300.000 đồng. Đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007723 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh B;
- TAND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRƯƠNG THANH DŨNG